TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/DS-ST
Ngày 23-11-2019
V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thành Tính;

2. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đô, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 23 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2019/TLST-DS ngày 10-9-2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐXXST-DS ngày 18-10-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Đức H, sinh năm 1962; địa chỉ: Số A, đường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị Mỹ D; cùng địa chỉ: Thôn M, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 04-9-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Đức H trình bày:*

Từ ngày 20-11-2015 đến ngày 26-04-2016 ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Mỹ D (sau đây viết tắt là ông N, bà D) vay nhiều lần của ông số tiền 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng), ông đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà D thanh toán nhưng ông N, bà D không thực hiện. Đến ngày 25-4-2019, ông N, bà D viết giấy hẹn nợ số tiền nêu trên, theo đó ông N, bà D cam kết đến ngày 10-7-2019 sẽ thanh toán 50% số tiền nợ, tuy nhiên, sau đó ông N, bà D cũng không thực hiện việc trả nợ.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà D trả cho ông số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

** Tại đơn phản tố ngày 28-10-2019, bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị Mỹ D trình bày:*

Vào năm 2015, vợ chồng ông Trần Đức H đến nhà ông, bà đề nghị giúp đỡ vì ông H thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T nhưng không có việc làm nên rất khó khăn và nhờ vợ chồng ông quan hệ ngoại giao để giao dự án cho ông H thi công, đến khi chủ đầu tư dự án nghiệm thu quyết toán với ông H thì ông H sẽ trừ hết số tiền mà ông biên nhận tạm ứng của ông H; mỗi lần nhận tiền thì ông phải viết giấy mượn tiền hoặc có lần ông H chuyển khoản qua ngân hàng.

Việc ông H khởi kiện ông bà là bịa đặt, nếu ông có vay tiền của ông H thì phải có hợp đồng công chứng, chứng thực thì mới hợp pháp, đồng thời phải thế chấp tài sản mới vay được số tiền lớn; ông H lợi dụng theo thỏa thuận của hai bên để khởi kiện nhằm chiếm đoạt tài sản của ông bà. Ông chỉ nhận tiền của ông H để đi ngoại giao nhằm nhận dự án và giao lại cho ông H thi công, là việc hai bên hợp tác làm ăn chứ không có việc vay tiền và chịu lãi suất như ông H trình bày.

Ông, bà đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Trần Đức H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị Mỹ D vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Ngày 23-11-2019, nguyên đơn ông Trần Đức H có bản tự khai tại Tòa án, theo đó chỉ yêu cầu ông N, bà D trả tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng,

không yêu cầu tính lãi. Xét việc nguyên đơn ông H không yêu cầu tính lãi thuộc trường hợp rút một phần yêu cầu khởi kiện, tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi.

[1.2] Ngày 28-10-2019, Tòa án nhận được đơn ghi tiêu đề "Đơn phản tố" của ông N, bà D, không kèm theo tài liệu, chứng cứ gì. Tuy nhiên, nội dung đơn chỉ là trình bày ý kiến không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không phải là yêu cầu phản tố theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; hơn nữa đơn của ông N, bà D đưa ra sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên nếu đơn phản tố đúng quy định thì cũng không được xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông N, bà D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử và không giao nộp chứng cứ cho Tòa án nên Hội đồng xét căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ.

[2.2] Theo ông H trình bày thì trong thời gian từ ngày 20-11-2015 đến ngày 26-04-2016, ông N, bà D vay của ông nhiều lần với số tiền 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng), còn ông N, bà D thì cho rằng ông, bà chỉ nhận tiền của ông H để đi ngoại giao nhằm nhận dự án và giao lại cho ông H thi công chứ không có việc vay tiền và chịu lãi suất như ông H trình bày.

Theo Giấy hẹn nợ ngày 25-4-2019 do ông H cung cấp cho Tòa án thể hiện ông N, bà D cam kết ngày 10-7-2019 sẽ trả cho ông H 50% trên tổng số tiền nợ 750.000.000 đồng. Theo nội dung trình bày của ông N, bà D thể hiện ông bà có nhận tiền của ông H, mỗi lần nhận tiền thì ông phải viết giấy mượn tiền hoặc có lần ông H chuyển khoản qua ngân hàng nên có căn cứ xác định ông N, bà D còn nợ ông H số tiền 750.000.000 đồng và là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Ông N, bà D cho rằng chỉ nhận tiền của ông H để đi ngoại giao nhằm nhận dự án và giao lại cho ông H thi công, đây là việc hai bên hợp tác làm ăn nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của ông, bà là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận trình bày của ông N, bà D.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, buộc ông N, bà D có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng.

[2.4] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên ông N, bà D phải chịu 34.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả lại tạm ứng án phí cho ông H.

[2.5] Lãi suất chậm thi hành án theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 144, 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho ông Trần Đức H số tiền 750.000.000 đồng (bảy trăm năm mươi triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức H về việc buộc ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị Mỹ D trả tiền lãi 535.861.000 đồng (năm trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

3. Ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị Mỹ D phải chịu 34.000.000 (ba mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Đức H tiền tạm ứng án phí 25.287.915 đồng (hai mươi lăm triệu, hai trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm mười lăm đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0001564 ngày 06-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng Ánh

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 07 tháng 11 năm 2019.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu;

Ông Dương Thành Tính.

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số 264/2019/TLST-DS ngày 10/9/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

- Nguyên đơn: Trần Đức Hoanh;
- Bị đơn: Nguyễn Văn Nhiều;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ các Điều 91, 92, 144, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Biểu quyết: 03/03 thống nhất.

2. Về nội dung:

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn Nhiều có nghĩa vụ trả cho ông Trần Đức Hoanh số tiền 1.285.861.000 đồng (một tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn đồng),

Biểu quyết: 03/03 thống nhất.

2.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Biểu quyết: 03/03 thống nhất.

2.3. Ông Nguyễn Văn Nhiều phải chịu 50.575.830 đồng (năm mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi đồng)

Hoàn trả cho ông Trần Đức Hoanh tiền tạm ứng án phí 25.287.915 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm mười lăm đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0001564 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Biểu quyết: 03/03 thống nhất.

2.4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Biểu quyết: 03/03 thống nhất.

2.5. Trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Biểu quyết: 03/03 thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 20 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**